

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẮC SƠN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 08-02-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Ngọc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nông Văn Bằng

Ông Phan Văn Trường

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nông Văn Đông – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Dương Thị T, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện nay: Xóm P, xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Anh Triệu Tiến H, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị Dương Thị T chung sống với anh Triệu Tiến H vào cuối năm 1999, trước khi về chung sống không được tìm hiểu và cũng không đi đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu bình thường, đến năm 2009 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Triệu Tiến H đi quan hệ với người phụ nữ khác về nhà thì hay chữ, đánh chị, đến năm 2013 anh H đuổi chị ra khỏi nhà, nên chị T và con gái tên là Triệu Thùy L, sinh ngày 28/10/2006 đã đi khỏi nhà, chị T đi làm thuê tại xã P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, thỉnh thoảng mới về nhà. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2013 đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hiện nay chị Dương Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Tiến H.

Về con chung: Có hai người con chung tên là Triệu Quang V, sinh ngày 07/01/2002 và Triệu Thùy L, sinh ngày 28/10/2006. Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Thùy L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Triệu Tiến H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Triệu Quang V hiện nay đã trưởng thành chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Triệu Tiến H mặc dù vẫn cư trú tại địa phương, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, anh Triệu Tiến H vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Triệu Tiến H không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Triệu Tiến H vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị Dương Thị T và anh Triệu Tiến H là vợ chồng. Về con chung: Có 02 người con chung tên là Triệu Quang V, sinh ngày 07/01/2002 và Triệu Thùy L, sinh ngày 28/10/2006. Khi ly hôn giao cháu Triệu Thùy L cho chị Dương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Triệu Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu

Triệu Quang V hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và con chung. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Tiến H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, huyện B. Do đó, căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Anh Triệu Tiến H vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu Tiến H là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Chị Dương Thị T và anh Triệu Tiến H chung sống với nhau và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương từ năm 1999. Chị Dương Thị T cho rằng vợ chồng chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Tiến H vắng mặt nên không có ý kiến. Ngày 25 tháng 11 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B. Kết quả xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện B cho biết qua kiểm tra sổ Đăng ký kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B từ trước đến nay, không có trường hợp đăng ký kết hôn của chị Dương Thị T với anh Triệu Tiến H. Vì vậy, chị Dương Thị T và anh Triệu Tiến H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Theo khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày luật này có hiệu lực pháp luật thì áp dụng Luật hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này (Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000) thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; ... Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định trên và khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, không công nhận chị Dương Thị T và anh Triệu Tiến H là vợ chồng.

[5] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Dương Thị T trình bày chị và anh Triệu Tiến H có hai người con chung tên là Triệu Quang V, sinh ngày 07/01/2002 và Triệu Thùy L, sinh ngày 28/10/2006. Khi ly hôn chị Dương Thị T yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Triệu Thùy L đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Triệu Quang V hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Triệu Tiến H vắng mặt không có ý kiến. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Dương Thị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần giao con chung là cháu Triệu Thùy L, sinh ngày 28/10/2006 cho chị Dương Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Triệu Thùy L; anh Triệu Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Dương Thị T không yêu cầu; anh Triệu Tiến H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Đối với cháu Triệu Quang V hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Dương Thị T trình bày là không yêu cầu Tòa án giải quyết, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Triệu Tiến H vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị T trình bày là không có, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Triệu Tiến H vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 81, 82, 83 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Dương Thị T và anh Triệu Tiến H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Triệu Thùy L, sinh ngày 28/10/2006 cho chị Dương Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Triệu Tiến H không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Triệu Tiến H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Đối với cháu Triệu Quang V đã trưởng thành nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2012/05936 ngày 10/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Triệu Tiến H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Thị Ngọc**